|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH --------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: 213/2012/TT-BTC | *Hà Nội, ngày 6 tháng 12 năm 2012* |

**THÔNG TƯ**

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này hướng dẫn hoạt động giao dịch, đầu tư chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

2. Các hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này, bao gồm:

a) Các hoạt động đầu tư trực tiếp quy định tại Điều 21 Luật Đầu tư;

b) Giao dịch cổ phần của các công ty chưa phải là công ty đại chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, phần vốn góp của các công ty trách nhiệm hữu hạn.

3.Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau:

a) Nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Thông tư này;

b) Ngân hàng lưu ký, tổ chức kinh doanh chứng khoán và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bản sao hợp lệ* là bản sao được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.
2. *Đại diện có thẩm quyền* của tổ chức nước ngoài là:
3. Chủ tịch hội đồng quản trị, Chủ tịch hội đồng thành viên, hoặc Giám đốc (Tổng giám đốc) của tổ chức nước ngoài;
4. Người có đủ thẩm quyền theo điều lệ, thỏa thuận góp vốn hoặc các tài liệu tương đương của tổ chức nước ngoài để ký các tài liệu và thực hiện các công việc liên quan quy định tại Thông tư này;
5. Người được đối tượng tại điểm a, b khoản này uỷ quyền bằng văn bản có xác nhận bởi công chứng viên ở nước ngoài, hoặc người được luật sư, công chứng viên ở nước ngoài xác nhận là đủ thẩm quyền đại diện cho tổ chức nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài.
6. *Đại diện giao dịch* là cá nhân tại Việt Nam đáp ứng quy định tại khoản 9 Điều 3 Thông tư này được nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền thực hiện các giao dịch, đầu tư chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam, công bố thông tin, báo cáo với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam.
7. *Hồ sơ hợp lệ* là hồ sơ có đủ giấy tờ theo quy định của Thông tư này, có nội dung được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật.

5. *Hợp đồng chỉ định đầu tư* là hợp đồng ký giữa nhà đầu tư và tổ chức kinh doanh chứng khoán trong đó nhà đầu tư ủy quyền cho tổ chức kinh doanh chứng khoán, dưới danh nghĩa của nhà đầu tư và trên tài khoản của nhà đầu tư, thực hiện các hoạt động đầu tư tại một mức giá và ở một thời điểm đã được hai bên thống nhất, hoặc tham gia đấu giá mua chứng khoán, đấu giá cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước.

6. *Nhà đầu tư nước ngoài* bao gồm tổ chức, cá nhân sau:

a) Cá nhân nước ngoài là người không mang quốc tịch Việt Nam, cư trú tại nước ngoài hoặc tại Việt Nam;

b) Tổ chức thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài và các chi nhánh của tổ chức này, bao gồm cả chi nhánh hoạt động tại Việt Nam;

c) Tổ chức thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam có 100% vốn góp nước ngoài và các chi nhánh của tổ chức này;

d) Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ mà bên nước ngoài được quyền sở hữu trên 49% vốn điều lệ theo quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

7. *Nhóm các* *nhà đầu tư nước ngoài có liên quan* bao gồm các tổ chức nước ngoài có quan hệ với nhau như sau:

a) Các quỹ được quản lý bởi cùng một công ty quản lý quỹ, bao gồm cả công ty quản lý quỹ trong và ngoài nước;

b) Các quỹ của cùng một quỹ mẹ (master fund), các quỹ con (sub-funds) của cùng một quỹ, các quỹ được tài trợ vốn từ cùng một quỹ (feeder fund);

c) Các danh mục đầu tư của cùng một quỹ được quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ khác nhau (Multiple Investment Managers Fund - MIMF);

d) Các quỹ có cùng một đại diện giao dịch.

8. *Tổ chức kinh doanh chứng khoán* bao gồm công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài.

9. *Thành viên lưu ký* là các công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký và đã đăng ký làm thành viên của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

**Chương II**

**HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN**

**Điều 3. Hoạt động đầu tư chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài**

1. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam dưới các hình thức sau:
   1. Trực tiếp thực hiện giao dịch đầu tư chứng khoán, thông qua việc mua bán cổ phiếu, trái phiếu, các loại chứng khoán, đầu tư góp vốn... theo quy định pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan;
   2. Gián tiếp đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam, thông qua việc ủy thác vốn cho công ty quản lý quỹ, chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài quản lý phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.
2. Trước khi thực hiện các hoạt động đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, nhà đầu tư nước ngoài đăng ký mã số giao dịch chứng khoán với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.
3. Ngoài các hình thức giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều này, nhà đầu tư nước ngoài đã đăng ký mã số giao dịch chứng khoán được:
   * 1. Ủy quyền cho đại diện giao dịch thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch dưới danh nghĩa của nhà đầu tư. Việc ủy quyền, chỉ định đầu tư này không bao gồm hoạt động quản lý tài sản, quản lý tài khoản giao dịch, ra quyết định đầu tư và thoái vốn đầu tư, lựa chọn loại chứng khoán, khối lượng giao dịch, mức giá, thời điểm thực hiện giao dịch;
     2. Ủy quyền cho công ty chứng khoán quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán. Quy định này chỉ áp dụng cho nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân;
     3. Ủy thác cho công ty quản lý quỹ, chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài, thay mặt nhà đầu tư nước ngoài, quản lý các danh mục đầu tư chứng khoán trên tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng hoặc thực hiện các hoạt động đầu tư dưới danh nghĩa khách hàng.
4. Nhà đầu tư nước ngoài chỉ thực hiện đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này không phải đăng ký mã số giao dịch chứng khoán. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ, chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài cung cấp dịch vụ quản lý tài sản ủy thác của nhà đầu tư nước ngoài được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán.
5. Nhà đầu tư nước ngoài bảo đảm các giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này và các giao dịch thực hiện bởi người có liên quan, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan không nhằm mục đích tạo cung, cầu giả tạo, thao túng giá chứng khoán và các hành vi giao dịch bị cấm khác theo quy định của pháp luật.
6. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp và quyết toán thuế, phí, lệ phí liên quan đến hoạt động chứng khoán tại Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam, hoặc ủy quyền cho thành viên lưu ký, tổ chức kinh doanh chứng khoán, văn phòng đại diện của mình, đại diện giao dịch thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp và quyết toán thuế, phí, lệ phí nêu trên theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.
7. Nhà đầu tư nước ngoài, đại diện giao dịch, tổ chức kinh doanh chứng khoán cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư nước ngoài theo các hợp đồng chỉ định đầu tư, hợp đồng quản lý đầu tư phải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về tỷ lệ sở hữu của bên nước ngoài tại các doanh nghiệp Việt Nam.
8. Nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin về các giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo nguyên tắc sau:
   * 1. Nhà đầu tư nước ngoài tự thực hiện, hoặc chỉ định một (01) thành viên lưu ký hoặc một (01) tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc văn phòng đại diện của mình (nếu có) hoặc một (01) tổ chức khác hoặc ủy quyền cho một cá nhân thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin theo quy định của pháp luật;

b) Nhóm các nhà đầu tư nước ngoài có liên quan có trách nhiệm chỉ định một (01) thành viên lưu ký hoặc một (01) tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc văn phòng đại diện của mình (nếu có) hoặc một (01) tổ chức khác hoặc ủy quyền cho một (01) cá nhân, thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin về các giao dịch phải báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng đối với nhóm người có liên quan;

Thông báo về việc chỉ định tổ chức hoặc ủy quyền cho cá nhân thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin được lập theo mẫu quy định tại phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán tối thiểu năm (05) ngày trước khi việc chỉ định hoặc ủy quyền có hiệu lực, kèm theo bản sao hợp lệ giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy đăng ký thành lập quỹ hoặc tài liệu tương đương (của tổ chức được chỉ định); hoặc bản sao hợp lệ chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác (của cá nhân được ủy quyền) và bản dịch tiếng Việt các tài liệu nêu trên theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư này;

c) Nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình để tổ chức được chỉ định hoặc cá nhân được ủy quyền công bố thông tin thực hiện đầy đủ nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

1. Đại diện giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện sau:
   1. Có năng lực hành vi dân sự và pháp luật đầy đủ; không thuộc trường hợp đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;
   2. Có chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán;
   3. Không đồng thời là nhân viên của tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký hoạt động tại Việt Nam;
   4. Là đại diện giao dịch duy nhất tại Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài và được nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền bằng văn bản.

**Điều 4. Đăng ký mã số giao dịch chứng khoán**

1. Nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp hoặc ủy quyền cho thành viên lưu ký đăng ký mã số giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Hồ sơ đăng ký mã số giao dịch chứng khoán bao gồm các tài liệu sau:
   1. Giấy đăng ký mã số giao dịch chứng khoán do nhà đầu tư nước ngoài hoặc thành viên lưu ký lập theo mẫu quy định tại phụ lục 1 hoặc phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền cho thành viên lưu ký thực hiện thủ tục đăng ký mã số giao dịch chứng khoán, tài liệu kèm theo bao gồm bản đăng ký mã số giao dịch chứng khoán do thành viên lưu ký lập theo mẫu quy định tại phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này và bản sao hợp lệ của văn bản ủy quyền cho thành viên lưu ký;
   2. Đối với nhà đầu tư tổ chức: Tài liệu nhận diện nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại phụ lục 15 ban hành kèm theo Thông tư này.

Đối với nhà đầu tư cá nhân: bản sao hợp lệ hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác;

* 1. Bản sao hợp lệ hợp đồng nguyên tắc về việc mở tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có); bản sao hợp lệ hợp đồng hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc lưu ký tài sản với thành viên lưu ký trong nước hoặc bản sao hợp lệ của văn bản ủy quyền cho hoạt động lưu ký tại Việt Nam (nếu có); bản sao hợp lệ hợp đồng mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp hoặc hợp đồng mở tài khoản góp vốn mua cổ phần tại ngân hàng thương mại (nếu có);
  2. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài có đại diện giao dịch, tài liệu bổ sung bao gồm:
* Văn bản chỉ định đại diện giao dịch theo mẫu quy định tại phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư này;
* Phiếu Thông tin về đại diện giao dịch theo mẫu quy định tại phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư này;
* Bản sao hợp lệ chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện giao dịch;
* Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán.

1. Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này được lập thành hai (02) bộ, một bộ gốc và một bộ sao. Mỗi bộ gồm hai (02) bản, một (01) bản bằng tiếng Việt và một (01) bản bằng tiếng nguyên xứ và được gửi trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện tới Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Trong đó:
   1. Trừ các tài liệu trích lục từ trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý có thẩm quyền của nước ngoài, các giấy tờ khác do cơ quan quản lý có thẩm quyền ở nước nguyên xứ cấp phải được công chứng, chứng thực theo pháp luật nước ngoài và hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật liên quan của Việt Nam;
   2. Tài liệu quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều này do nhà đầu tư nước ngoài tự lập thì chỉ cần công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật của nước ngoài;
   3. Tài liệu tiếng nước ngoài phải dịch ra tiếng Việt bởi thành viên lưu ký, hoặc bởi các tổ chức dịch thuật hoạt động hợp pháp tại Việt Nam hoặc tại nước ngoài. Trường hợp thành viên lưu ký dịch, phải kèm theo xác nhận bằng văn bản của thành viên lưu ký về tính chính xác và trung thực của bản dịch;
   4. Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được công chứng, chứng thực trong thời hạn không quá chín (09) tháng tính tới ngày nộp hồ sơ cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.
2. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, chính xác, trung thực của các tài liệu, thông tin có trong hồ sơ. Trong thời gian Trung tâm Lưu ký Chứng khoán xem xét hồ sơ đăng ký mã số giao dịch chứng khoán, nhà đầu tư phải sửa đổi, bổ sung khi có yêu cầu của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Bản sửa đổi, bổ sung phải có chữ ký của những người đã ký trong hồ sơ gửi cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán hoặc người được ủy quyền bằng văn bản của người đã ký trong hồ sơ hoặc của người có cùng chức danh và thẩm quyền của người đã ký trong hồ sơ.
3. Trong thời hạn năm (05) ngày đối với nhà đầu tư tổ chức và ba (03) ngày đối với nhà đầu tư cá nhân, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp mã số giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư. Trường hợp từ chối, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
4. Trường hợp nhà đầu tư đáp ứng đầy đủ các điều kiện dưới đây, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán được cấp giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư trước khi có đầy đủ tài liệu đã được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này:
   1. Đã có đầy đủ các tài liệu bằng tiếng nước ngoài chứng thực, công chứng theo pháp luật nước ngoài và dịch ra tiếng Việt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;
   2. Là khách hàng của thành viên lưu ký và đã được thành viên này thẩm định và tổng hợp đầy đủ thông tin nhận biết khách hàng (KYC) theo quy định nội bộ của mình, kèm theo bản cam kết của nhà đầu tư về việc hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, chính xác, trung thực của các tài liệu bằng tiếng nước ngoài cũng như tư cách pháp lý của mình, và bản cam kết của thành viên lưu ký về việc đã thẩm định và tổng hợp, cung cấp đầy đủ thông tin nhận biết khách hàng theo quy định nội bộ, nộp đầy đủ các tài liệu do nhà đầu tư nước ngoài cung cấp.
5. Trong thời hạn tối đa chín (09) tháng, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán, nhà đầu tư có trách nhiệm hoàn tất và cung cấp cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, thông qua thành viên lưu ký, đầy đủ các tài liệu hợp lệ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
6. Nhà đầu tư nước ngoài không được xem xét cấp giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trong một trong các trường hợp sau:
   1. Đang bị điều tra hoặc đã từng bị cơ quan quản lý có thẩm quyền trong nước hoặc nước ngoài xử phạt về các hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 9 Luật Chứng khoán, hành vi rửa tiền; hoặc có các hành vi vi phạm nghiêm trọng khác bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, quản lý ngoại hối, thuế mà chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính hoặc không thực hiện đầy đủ quyết định xử phạt vi phạm hành chính đó;
   2. Bị hủy bỏ mã số giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai (02) năm tính tới thời điểm nộp hồ sơ đăng ký mã số giao dịch chứng khoán.
7. Hồ sơ đăng ký mã số giao dịch chứng khoán cho danh mục đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài quản lý bởi công ty quản lý quỹ, chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài bao gồm các tài liệu sau:
   1. Tài liệu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;
   2. Bản sao hợp lệ hợp đồng lưu ký giữa công ty quản lý quỹ, chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài ký với ngân hàng lưu ký trong nước;
   3. Bản sao hợp lệ giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ, chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài.
8. Hồ sơ theo quy định tại khoản 8 Điều này được lập thành hai (02) bộ, một (01) bộ gốc và một (01) bộ sao, được gửi trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện tới Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.
9. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán cho công ty quản lý quỹ, chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài. Trường hợp từ chối, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
10. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, sau khi chỉ định hoặc bổ sung thêm các thành viên lưu ký phù hợp với quy định của pháp luật, nhà đầu tư nước ngoài, công ty quản lý quỹ, chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài thông báo về thành viên lưu ký cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán theo mẫu quy định tại phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này, kèm theo bản sao hợp lệ hợp đồng mở tài khoản hoặc văn bản ủy quyền cho hoạt động lưu ký. Quy định này không áp dụng trong trường hợp thay đổi ngân hàng lưu ký theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.
11. Công ty chứng khoán nước ngoài được cấp hai (02) mã số giao dịch chứng khoán: một (01) mã số cho tài khoản tự doanh và một (01) mã số cho tài khoản môi giới của công ty.

Trường hợp công ty chứng khoán nước ngoài đã được cấp một (01) mã số giao dịch chứng khoán, hồ sơ đăng ký cấp bổ sung thêm một mã số giao dịch chứng khoán bao gồm tài liệu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này kèm theo bản sao giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán đã được cấp trước đó.

1. Quỹ đầu tư nước ngoài quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ (Multiple Investment Managers Fund - MIMF) được đăng ký nhiều mã số giao dịch chứng khoán theo nguyên tắc các danh mục đầu tư của quỹ quản lý bởi cùng một công ty quản lý quỹ thì được đăng ký một mã số giao dịch chứng khoán. Hồ sơ đăng ký mã số giao dịch chứng khoán thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp đăng ký bổ sung mã số giao dịch chứng khoán, hồ sơ bao gồm tài liệu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này kèm theo bản sao giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán đã được cấp trước đó và các tài liệu liên quan theo quy định tại phụ lục 15 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 5. Thay đổi phải báo cáo cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán**

1. Trước khi thực hiện những thay đổi dưới đây, nhà đầu tư nước ngoài phải báo cáo Trung tâm Lưu ký Chứng khoán:
   1. Thay đổi đại diện giao dịch;
   2. Chuyển danh mục đầu tư giữa các tài khoản lưu ký theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này.
2. Hồ sơ báo cáo về các thay đổi quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:
3. Báo cáo về các thay đổi do nhà đầu tư và thành viên lưu ký lập theo mẫu quy định tại phụ lục 5 và phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này, kèm theo văn bản ủy quyền cho thành viên lưu ký mới báo cáo về các thay đổi liên quan;
4. Tùy vào nội dung thay đổi, hồ sơ kèm theo:

* Tài liệu có liên quan về đại diện giao dịch mới theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Thông tư này, kèm theo thông báo về việc chấm dứt ủy quyền hoạt động cho đại diện giao dịch cũ;
* Báo cáo chi tiết về danh mục đầu tư trên tài khoản lưu ký cũ theo mẫu quy định tại phụ lục 16 ban hành kèm theo Thông tư này; hợp đồng nguyên tắc hoặc thông báo của thành viên lưu ký cũ về việc thanh lý hợp đồng lưu ký; hợp đồng nguyên tắc về việc mở tài khoản lưu ký mới hoặc bản sao hợp lệ văn bản ủy quyền cho hoạt động lưu ký tại Việt Nam; hồ sơ đề nghị tất toán tài khoản lưu ký hoặc chuyển khoản chứng khoán theo hướng dẫn của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

1. Hồ sơ báo cáo về các thay đổi quy định tại khoản 2 Điều này được lập thành một (01) bộ gốc. Bộ hồ sơ gốc được gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.
2. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán xác nhận bằng văn bản các thay đổi theo yêu cầu của nhà đầu tư nước ngoài, đồng thời thực hiện chuyển danh mục chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài sang thành viên lưu ký mới. Trường hợp từ chối, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Các thay đổi nêu trên chỉ có hiệu lực sau khi có văn bản trả lời của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.
3. Trong thời hạn tối đa bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ khi có sự thay đổi, nhà đầu tư nước ngoài phải báo cáo Trung tâm Lưu ký Chứng khoán về những thay đổi dưới đây:
4. Thay đổi ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp;
5. Thay đổi tên; trụ sở chính; địa chỉ liên lạc của nhà đầu tư hoặc của đại diện giao dịch (nếu có);
6. Thay đổi số hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác (đối với nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân); số giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương nhận diện nhà đầu tư tổ chức nước ngoài do cơ quan quản lý nhà nước nước ngoài cấp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư này (đối với nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức);
7. Thay đổi tư cách pháp lý, mô hình hoạt động liên quan tới việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập, thâu tóm;

đ) Thay đổi các nội dung khác trong hồ sơ đăng ký mã số giao dịch chứng khoán.

1. Hồ sơ báo cáo về các thay đổi quy định tại khoản 5 Điều này bao gồm:
2. Tài liệu quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;
3. Tùy vào tính chất thay đổi, các tài liệu bổ sung bao gồm: văn bản của ngân hàng xác nhận tài khoản vốn đầu tư gián tiếp mới; bản sao hợp lệ hộ chiếu mới hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; bản sao hợp lệ các tài liệu xác minh việc thay đổi tên, trụ sở chính, địa chỉ liên lạc, tư cách pháp lý và mô hình tổ chức của nhà đầu tư; các tài liệu khác nhận diện nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại phụ lục 15 ban hành kèm theo Thông tư này;

Trong trường hợp thay đổi tên, tài liệu xác nhận việc thay đổi tên là một trong các tài liệu sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kinh doanh hoặc giấy phép thành lập và hoạt động hoặc tài liệu tương đương xác minh nhà đầu tư nước ngoài đã thay đổi tên gọi, bao gồm tên cũ và tên mới của nhà đầu tư nước ngoài; hoặc bản cáo bạch hoặc tài liệu tương đương của quỹ nước ngoài đã được đăng trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nước ngoài nơi quỹ được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập và hoạt động có ghi rõ việc đổi tên; hoặc giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế của nhà đầu tư nước ngoài theo tên gọi mới (với mã số thuế không thay đổi); hoặc các tài liệu khác ghi tên mới kèm theo xác nhận của công chứng viên nước ngoài về việc thay đổi tên của nhà đầu tư nước ngoài.

1. Tài liệu tiếng nước ngoài trong hồ sơ quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 6 Điều này phải được công chứng, chứng thực theo pháp luật nước ngoài, trừ trường hợp người ký các tài liệu này chính là người đã ký trên hồ sơ đăng ký mã số giao dịch chứng khoán quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư này. Việc dịch các tài liệu bằng tiếng nước ngoài ra tiếng Việt thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư này.
2. Trong thời hạn chín (09) tháng, kể từ ngày đã thông báo cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán về các thay đổi quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều này, nhà đầu tư, thông qua thành viên lưu ký, có trách nhiệm nộp bổ sung các tài liệu do cơ quan quản lý có thẩm quyền của nước ngoài cấp đã được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về hợp pháp hóa lãnh sự.
3. Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều này, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán xác nhận bằng văn bản các thay đổi theo yêu cầu của nhà tư nước ngoài. Các thay đổi nêu trên chỉ có hiệu lực sau khi có văn bản trả lời của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

**Điều 6. Đình chỉ giao dịch, hủy bỏ mã số giao dịch chứng khoán**

* + 1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyền đình chỉ giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài tối đa là sáu (06) tháng trong các trường hợp sau:

1. Khi phát hiện hồ sơ đăng ký mã số giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài có những thông tin sai lệch, không chính xác hoặc hồ sơ bỏ sót những nội dung quan trọng theo quy định phải có trong hồ sơ; không bổ sung hồ sơ theo quy định tại khoản 6 Điều 4, khoản 8 Điều 5 Thông tư này;
2. Nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan báo cáo, cung cấp tài liệu có thông tin không trung thực, không chính xác, không kịp thời theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; không thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định của pháp luật;

c) Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện các hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 9 Luật Chứng khoán;

d) Nhà đầu tư nước ngoài vi phạm quy định về quản lý ngoại hối theo pháp luật Việt Nam; không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

1. Trung tâm Lưu ký Chứng khoán hủy mã số giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài theo yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong các trường hợp sau:
   1. Quá thời hạn đình chỉ giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này mà những thiếu sót dẫn đến việc đình chỉ giao dịch không được khắc phục;
   2. Nhà đầu tư nước ngoài tự nguyện đề nghị hủy mã số giao dịch chứng khoán. Thông báo hủy mã số giao dịch chứng khoán thực hiện theo mẫu quy định tại phụ lục 17 và phụ lục 18 ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Nhà đầu tư nước ngoài bị hủy mã số giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, không được xem xét cấp lại mã số giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai (02) năm kể từ thời điểm mã số giao dịch chứng khoán bị hủy bỏ.

**Điều 7. Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp**

* + 1. Mỗi nhà đầu tư nước ngoài được mở một (01) tài khoản vốn đầu tư gián tiếp tại một (01) ngân hàng lưu ký được phép kinh doanh ngoại hối để thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp tại Việt Nam.
    2. Mọi giao dịch chuyển tiền để thực hiện các hoạt động giao dịch, đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này, các thanh toán khác liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài; nhận và sử dụng cổ tức, lợi tức được chia, mua ngoại tệ tại các tổ chức tín dụng được phép hoạt động kinh doanh ngoại hối tại Việt Nam để chuyển ra nước ngoài và các giao dịch khác có liên quan đều phải thực hiện thông qua tài khoản này.
    3. Trong nghiệp vụ quản lý danh mục đầu tư cho nhà đầu tư nước ngoài, công ty quản lý quỹ, chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài được mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp để tiếp nhận vốn của các nhà đầu tư nước ngoài không có tài khoản vốn đầu tư gián tiếp của riêng mình. Trong trường hợp này, tài khoản vốn đầu tư gián tiếp đứng tên công ty quản lý quỹ, chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài.
    4. Đối tượng thực hiện, điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng, sử dụng và quản lý tài khoản vốn đầu tư gián tiếp thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.

**Điều 8. Tài khoản lưu ký chứng khoán**

* + - 1. Trường hợp lưu ký tài sản tại ngân hàng lưu ký:
    1. Sau khi đăng ký mã số giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán nước ngoài, doanh nghiệp bảo hiểm một trăm phần trăm (100%) vốn nước ngoài, được mở hai tài khoản lưu ký chứng khoán tại ngân hàng lưu ký. Quỹ đầu tư nước ngoài quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ (MIMF) được mở nhiều tài khoản lưu ký chứng khoán theo nguyên tắc cứ mỗi một mã số giao dịch chứng khoán được cấp thì được mở một tài khoản lưu ký chứng khoán tại ngân hàng lưu ký. Các nhà đầu tư nước ngoài khác chỉ được phép mở duy nhất một tài khoản lưu ký chứng khoán tại ngân hàng lưu ký.

Quy định tại điểm này không áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư nước ngoài lưu ký chứng khoán tại các tài khoản giao dịch chứng khoán mở tại các công ty chứng khoán;

* + 1. Việc mở tài khoản lưu ký tại ngân hàng lưu ký thực hiện theo các quy định của pháp luật về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Mọi bút toán thanh toán, lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài đều phải được thực hiện trên tài khoản này.

2. Nhà đầu tư nước ngoài có quyền chuyển toàn bộ danh mục chứng khoán từ một tài khoản lưu ký (tất toán tài khoản lưu ký) sang một tài khoản lưu ký khác. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài lưu ký tài sản tại ngân hàng lưu ký theo quy định tại khoản 1 Điều này, trước khi mở tài khoản lưu ký tại ngân hàng lưu ký mới, nhà đầu tư nước ngoài phải đóng tài khoản lưu ký hiện hành, chuyển toàn bộ số dư trên tài khoản này sang tài khoản mới. Thủ tục chuyển danh mục chứng khoán giữa các tài khoản lưu ký thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này và các quy định của pháp luật về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

**Điều 9. Trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức trong hoạt động cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư nước ngoài**

1. Công ty chứng khoán cung cấp dịch vụ đầu tư theo chỉ định của nhà đầu tư nước ngoài phải bảo đảm:
   1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán về việc bảo đảm tỷ lệ ký quỹ, quản lý tiền và chứng khoán của khách hàng, các quy định khác về nghiệp vụ môi giới chứng khoán và tư vấn chứng khoán;
   2. Ngăn ngừa xung đột lợi ích với nhà đầu tư; công ty chứng khoán, người hành nghề chứng khoán phải thông báo cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa công ty, người hành nghề chứng khoán và khách hàng;
   3. Công ty chứng khoán không được đưa ra quyết định đầu tư thay mặt cho khách hàng. Mọi giao dịch chỉ được thực hiện trong thời gian hợp đồng chỉ định đầu tư còn hiệu lực và sau khi đã nhận được lệnh, chỉ thị giao dịch hợp lệ của nhà đầu tư. Các lệnh, chỉ thị giao dịch chỉ có giá trị hiệu lực một lần.

Hợp đồng chỉ định đầu tư ký với công ty chứng khoán phải bao gồm các nội dung chính theo phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này. Hợp đồng chỉ định đầu tư phải nêu rõ, nhà đầu tư nước ngoài là người chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư, công ty chỉ thực hiện giao dịch theo chỉ thị của nhà đầu tư nước ngoài. Hợp đồng cũng phải nêu chi tiết nội dung ủy quyền, mức độ ủy quyền giao dịch, thời hạn ủy quyền, phương thức ra chỉ thị đầu tư, phương thức thanh toán kèm theo thông tin, mẫu chữ ký của người có thẩm quyền đặt lệnh, ủy quyền giao dịch, đầu tư;

d) Chỉ thị đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài phải bao gồm các thông tin về loại chứng khoán, số lượng, mức giá chứng khoán và thời gian thực hiện, thời hạn hiệu lực của chỉ thị đó. Chỉ thị đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài cho công ty chứng khoán phải được lưu trữ trong thời hạn năm (05) năm và cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi có yêu cầu.

1. Công ty chứng khoán cung cấp dịch vụ quản lý tài khoản giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài cá nhân theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán.
2. Công ty quản lý quỹ, chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài cung cấp dịch vụ quản lý tài sản cho nhà đầu tư nước ngoài được:
   1. Thu thập thông tin, phân tích và cung cấp kết quả phân tích về chứng khoán và thị trường chứng khoán, hoặc các dự án cho nhà đầu tư; tư vấn về chiến lược và chiến thuật đầu tư, tư vấn về cơ cấu và phân bổ vốn đầu tư; tư vấn về các quy định pháp lý, thủ tục, quy trình đầu tư, đấu giá, giao dịch cho nhà đầu tư;
   2. Thực hiện giao dịch, đầu tư sau khi đã được nhà đầu tư phê duyệt hoặc sau khi đã được nhà đầu tư chấp thuận phương án đầu tư; hoặc
   3. Được đưa ra các quyết định đầu tư, thoái vốn đầu tư phù hợp với các điều khoản tại hợp đồng ký với khách hàng. Quyết định đầu tư, thoái vốn đầu tư bao gồm việc lựa chọn chứng khoán, dự án đầu tư, lựa chọn mức giá, giá trị vốn góp, lựa chọn thời điểm thực hiện giao dịch, thời điểm thực hiện đầu tư.
3. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài tham gia đấu giá mua chứng khoán, tổ chức kinh doanh chứng khoán nhận ủy quyền thay mặt nhà đầu tư nước ngoài tham gia đấu giá phải tuân thủ các điều kiện sau:
   1. Bảo đảm nhà đầu tư ký quỹ đủ tiền trên tài khoản để tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật;
   2. Làm thủ tục đăng ký tham gia đấu giá riêng cho các nhà đầu tư nước ngoài;
   3. Bảo đảm việc đầu tư chứng khoán, mua cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài tuân thủ các quy định của pháp luật về tỷ lệ sở hữu của bên nước ngoài tại các doanh nghiệp Việt Nam;

đ) Có trách nhiệm phân bổ công bằng và hợp lý tài sản cho từng nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với hợp đồng chỉ định đầu tư, hợp đồng quản lý đầu tư ký với nhà đầu tư nước ngoài.

1. Khi thực hiện giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài, đại diện giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài phải bảo đảm:
   1. Tuân thủ các quy định pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán;
   2. Thực hiện theo đúng chỉ thị giao dịch và thanh toán của nhà đầu tư nước ngoài, không trực tiếp đưa ra các quyết định đầu tư bao gồm việc lựa chọn loại chứng khoán, số lượng, mức giá, thời điểm thực hiện giao dịch khi chưa nhận được lệnh giao dịch, chỉ thị đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài. Lệnh giao dịch, chỉ thị giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài tuân thủ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;
   3. Không được thông đồng với các nhà đầu tư trong và ngoài nước để thực hiện việc mua, bán chứng khoán nhằm tạo ra cung, cầu giả tạo; giao dịch chứng khoán bằng hình thức cấu kết, lôi kéo người khác liên tục mua, bán để thao túng giá chứng khoán;
   4. Tham gia các khóa tập huấn về pháp luật và thực hiện nghĩa vụ báo cáo khi có yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, thành viên lưu ký, tổ chức kinh doanh chứng khoán cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư nước ngoài có trách nhiệm bảo mật các thông tin về nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật liên quan và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu bằng văn bản.

**Điều 10. Nghĩa vụ báo cáo và lưu trữ hồ sơ đối với hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài**

1. Thành viên lưu ký phải lập và lưu trữ hồ sơ, chứng từ về các hoạt động lưu ký tài sản trên tài khoản lưu ký của nhà đầu tư nước ngoài. Các tài liệu này phải được cung cấp cho các cơ quan quản lý có thẩm quyền phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra theo yêu cầu của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, kể cả các tài liệu thuộc phạm vi điều chỉnh của các quy định về thông tin và bảo mật thông tin nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.
2. Thành viên lưu ký phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước định kỳ hàng tháng số liệu thống kê về tài khoản lưu ký và danh mục tài sản của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp thành viên lưu ký là chi nhánh tổ chức tín dụng nước ngoài, hoặc tổ chức tín dụng một trăm phần trăm (100%) vốn nước ngoài thành lập tại Việt Nam, thì phải bổ sung báo cáo về hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của mình theo mẫu quy định tại phần IV phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này.
3. Ngân hàng lưu ký nơi nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp, tài khoản góp vốn mua cổ phần phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước định kỳ hai (02) tuần một lần (vào ngày 15 và 30 hàng tháng) về hoạt động chu chuyển vốn của nhà đầu tư nước ngoài trên các tài khoản này theo mẫu quy định tại phần III phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này.
4. Tổ chức kinh doanh chứng khoán phải báo cáo định kỳ hàng tháng về hoạt động quản lý danh mục đầu tư, đầu tư theo chỉ định cho nhà đầu tư nước ngoài theo mẫu quy định tại phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này.
5. Đại diện giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài có trách nhiệm báo cáo về hoạt động đầu tư theo chỉ định cho nhà đầu tư nước ngoài theo mẫu quy định tại phụ lục 9 ban hành kèm theo Thông tư này khi có yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
6. Trung tâm Lưu ký Chứng khoán báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước định kỳ hàng tháng về hoạt động cấp mã số giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư nước ngoài và các thay đổi của nhà đầu tư (nếu có) theo mẫu báo cáo quy định tại phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư này.
7. Sở Giao dịch Chứng khoán báo cáo hàng ngày, tháng, năm về hoạt động giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài theo mẫu quy định tại phụ lục 11 ban hành kèm theo Thông tư này.
8. Thời hạn nộp báo cáo quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này:
9. Trước 16h hàng ngày đối với các báo cáo ngày;
10. Trong thời hạn ba (03) ngày, sau ngày 15 và 30 hàng tháng đối với báo cáo về hoạt động chu chuyển vốn của nhà đầu tư nước ngoài;
11. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày kết thúc tháng đối với các báo cáo tháng;
12. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm đối với các báo cáo năm.
13. Trong trường hợp cần thiết, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán, tổ chức kinh doanh chứng khoán, thành viên lưu ký, đại diện giao dịch hoặc nhà đầu tư trực tiếp báo cáo về hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài.
14. Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán, tổ chức kinh doanh chứng khoán, thành viên lưu ký phải báo cáo Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn bốn mươi tám (48) giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu báo cáo quy định tại khoản 9 Điều này.
15. Báo cáo của Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, tổ chức kinh doanh chứng khoán, thành viên lưu ký quy định tại Điều này phải được gửi kèm theo tệp dữ liệu điện tử cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và phải được lưu trữ trong thời gian tối thiểu là năm (05) năm.

# Chương III

# ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 11. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2013 và thay thế cho Quyết định số 121/2008/QĐ-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

**Điều 12. Tổ chức thực hiện**

1. Trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành, nhóm các nhà đầu tư nước ngoài có liên quan có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, Sở Giao dịch chứng khoán về người đại diện theo ủy quyền thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo mẫu quy định tại phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán, tổ chức kinh doanh chứng khoán, thành viên lưu ký và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Thông tư này do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Văn phòng Chính phủ; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí Thư; - Văn phòng Quốc hội; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Viện KSNDTC, Tòa án NDTC; - Kiểm toán Nhà nước; - Công báo; - Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp; - Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính; - Website Chính phủ; - Website Bộ Tài chính; - Lưu: VT, UBCK. | **KT. BỘ TRƯỞNG THỨ TRƯỞNG     Trần Xuân Hà** |